

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG
TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU INTEC – MJ VINA**

NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN

Khoá học: 2016 - 2020

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG
TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU INTEC – MJ VINA**

Sinh viên thực hiện:

Nguyễn Thị Kim Tuyên

Lớp: K50C- Kế toán

Niên khóa: 2016-2020

Giáo viên hướng dẫn:

TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền

Huế, tháng 4/năm 2020



Lời Cảm Ơn

Trong những năm ngò i trên ghế nhà trường được s ợ h ợ ng d ợ n, ch ợ d ợ y t ợ n tình c ợ a Quý Th ợ y Cô trường Đ ợ i H ợ c Kinh T ợ Hu ợ , Th ợ y Cô khoa K ợ toán – K ợ m toán đã giúp em tiếp thu được rất nhiều kiến thức, kỹ năng bổ ích. Thời gian thực tập cuối khoá là một cơ hội giúp em học tập ngoại hoá lại những kiến thức đã học, có những trải nghiệm thực tế hơn và công việc của một kế toán.

Đ ợ hoàn thành được khoá luận này ngoài sự nỗ lực của bản thân thì em còn nhận được rất nhiều sự giúp đỡ từ phía nhà trường, th ợ y cô và quý Công ty TNHH Xuất Nhập Kh ợ u INTEC – MJ VINA.

Tr ợ c h ợ t, em xin bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn đến Ban Giám hi ợ u nhà trường, quý th ợ y cô của Trường Đ ợ i H ợ c Kinh T ợ Hu ợ nói chung và giảng viên của khoa K ợ toán – K ợ m toán nói riêng đã truyền đạt cho em những kiến thức, kỹ năng chuyên môn. Đây là nền tảng giúp em thực hiện đề tài.

Tiếp theo, em xin chân thành cảm ơn đến Ban lãnh đạo công ty, các anh chị phòng kế toán tại Công ty TNHH Xuất Nhập Kh ợ u INTEC – MJ VINA đã nhiệt tình giúp đỡ, cung cấp các thông tin, tài liệu và tạo mọi điều kiện thuận lợi để em hoàn thành bài khoá luận này.

Đ ợc biết, em xin chân thành cảm ơn giáo viên hướng dẫn – Ti ợ n Sĩ Nguy ợ n Th ợ Thanh Huy ợ n đã luôn quan tâm, tận tình hướng dẫn em trong suốt quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài.

Tuy nhiên, do hạn chế về kiến thức chuyên môn cũng như thời gian, kinh nghiệm thực tiễn chưa nhiều nên trong quá trình thực hiện bài khoá luận không tránh khỏi những sai sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự đóng góp, chỉ bảo từ quý th ợ y cô.

Em xin chân thành cảm ơn!



DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TNHH: Trách nhiệm hữu hạn

TNDN: Thu nhập doanh nghiệp

GTGT: Giá trị gia tăng

PPKT: Phương pháp khấu trừ

PPTT: Phương pháp trực tiếp

CSKD: Công suất kinh doanh

HHDV: Hàng hoá dịch vụ

SXKD: Sản xuất kinh doanh

KKBS: Khai báo bổ sung

HTKK: Hệ thống kê khai

NSNN: Ngân sách nhà nước

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Bảng tình hình lao động của công ty giai đoạn 2017-2019	37
Bảng 2.2: Tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty TNHH xuất nhập khẩu INTEC – MJVINA	40
Bảng 2.3: Bảng dòng báo cáo kết quả kinh doanh giai đoạn 2017 -2019.....	45
Biểu 2.1 Phiếu chi số PC – 109.....	50
Biểu 2.2: Hoá đơn giá trị gia tăng đưa vào số 0003437.....	51
Biểu 2.3: Hoá đơn giá trị gia tăng đưa vào số 0000209.....	54
Biểu 2.4 Hoá đơn giá trị gia tăng đưa vào số 0000432	55
Biểu 2.5: Sổ cái tài khoản 1331 tháng 12 năm 2019	56
Biểu 2.6 Sổ chi tiết tài khoản 1331 tháng 12/2019	57
Biểu 2.7. Hoá đơn GTGT đưa ra số 0000264	59
Biểu 2.8 . sổ cái tài khoản 33311 tháng 12/2019.....	62
Biểu 2.9. Sổ chi tiết tài khoản 33311 tháng 12/2019	63
Biểu 2.10. Tờ khai thuế GTGT nộp chính thức tháng 12/2019	67
Biểu 2.11. Trích tờ khai thuế GTGT nộp chính thức lần 1 tháng 9/2019	71
Biểu 2.12. Trích tờ khai thuế GTGT nộp chính thức lần 2 tháng 9/2019	71
Biểu 2.13.Tờ khai thuế GTGT nộp chính thức tháng 3/2019	73
Biểu 2.14. Tờ khai thuế GTGT nộp bổ sung lần thứ nhất tháng 3/2019.....	74
Biểu 2.15. Giấy đề nghị hoàn trả thu ngân sách nhà nước.....	77
Biểu 2.16. Sổ cái tài khoản 33341 năm 2019	82
Biểu 2.17. Sổ chi tiết tài khoản 33341 năm 2019.....	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC BÍ U Đ - S Đ

Bí u đ 2.1: Tình hình tài s n công ty năm 2017 – 2019	41
Bí u đ 2.2: Tình hình ngu n v n công ty năm 2017 – 2019	42
S đ 1.2: S đ h ch toán thu GTGT đ u ra.....	25
S đ 1.3: S đ h ch toán k toán thu TNDN	27
.....	27
S đ 1.4: S đ h ch toán k toán chi phí thu TNDN	27
S đ 2.1: S đ t ch c b máy qu n lý c a công ty TNHH xu t nh p kh u INTEC – MJVINA	31
S đ 2.2: B máy k toán t i công ty TNHH xu t nh p kh u MJINTEC – VINA.....	33
S đ 2.3: S đ trình t ghi s k toán theo hình th c nh t ký chung trên máy vi tính t i công ty	36

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	2
3.1. Đối tượng nghiên cứu	2
3.2. Phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Kết cấu của đề tài	4
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	5
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THUẾ, KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TRONG DOANH NGHIỆP	5
1.1. Thuế về nền tảng của nền thuế, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp	5
1.1.1. Nội dung của nền thuế	5
1.1.1.1. Khái niệm	5
1.1.1.2. Đặc trưng của nền thuế	5
1.1.1.3. Vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường	6
1.1.1.4. Phân loại thuế	7
1.1.2. Thuế nội dung của nền thuế GTGT	7
1.1.2.1. Tổng quan về thuế GTGT	7
1.1.2.2. Nội dung của nền thuế GTGT	9
1.1.2.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế	10
1.1.2.4. Khai thuế GTGT theo tháng	12
1.1.3. Thuế nội dung của nền thuế thu nhập doanh nghiệp	14
1.1.3.1. Tổng quan về thuế thu nhập doanh nghiệp	15
1.1.3.2. Nội dung của nền thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16
1.2. Nội dung công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN	21
1.2.1. Kế toán thuế GTGT	21
1.2.1.1. Kế toán thuế GTGT đầu vào	21
1.2.1.2. Kế toán thuế GTGT đầu ra	23
1.2.2. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp	25
1.2.2.1. Chứng từ sổ đăng:	25
1.2.2.2. Tài khoản sổ đăng	25
1.2.2.3. Sổ đăng hạch toán.	27

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT VÀ THUẾ TNDN TẠI CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU INTEC – MJ VINA.....	29
2.1. Tổng quan về công ty TNHH xuất nhập khẩu INTEC – MJ VINA.....	29
2.1.1. Giới thiệu chung	29
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển.....	29
2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động của công ty.....	30
2.1.3.1. Chức năng.....	30
2.1.3.2. Nhiệm vụ	30
2.1.4. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty.....	30
2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý	31
2.1.4.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận trong công ty.....	31
2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	33
2.1.5.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	33
2.1.5.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán viên	33
2.1.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH xuất nhập khẩu Intec – MJ Vina.....	35
2.1.6.1. Chế độ kế toán áp dụng	35
2.1.6.2. Hình thức kế toán tại áp dụng.....	35
2.1.7. Tình hình nguồn lực của công ty giai đoạn 2017 – 2019.....	37
2.1.7.1. Tình hình lao động.....	37
2.1.7.2. Tình hình tài sản – nguồn vốn của công ty giai đoạn 2017 -2019	39
2.1.7.3. Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của công ty	44
2.2. Thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH xuất nhập khẩu MJ – VINA INTEC.....	47
2.2.1. Thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng.....	47
2.2.1.1. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán thuế giá trị gia tăng.....	47
2.2.1.2. Kế toán thuế GTGT đầu vào	48
2.2.1.3. Kế toán thuế giá trị tăng đầu ra	58
2.2.1.4. Khai, nộp thuế, quy định toán thuế và khâu trả thuế	64
2.2.2. Thực trạng công tác kế toán thuế TNDN.....	78
2.2.2.1. Đặc điểm tổ chức công tác thuế TNDN	78
2.2.2.2. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp	79
2.2.2.3. Xác định số thuế TNDN tạm tính và số thuế TNDN phải nộp.	79
2.2.2.4. Hồ sơ toán thuế TNDN.....	81

2.2.2.5. Quy trình toán thuế và nộp thuế TNDN cuối năm.....	86
CHƯƠNG 3: GIỚI THIỆU PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU INTEC – MJVINA.....	95
3.1 Nhận xét về công tác tổ chức kế toán thuế tại công ty TNHH xuất nhập khẩu INTEC – MJVINA	95
3.1.1. Nhận xét chung về công tác kế toán	95
3.1.1.1. Ưu điểm	95
3.1.1.2. Nhược điểm	96
3.1.2. Nhận xét về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp	97
3.1.2.1. Ưu điểm	97
3.1.2.2. Nhược điểm	98
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT, thuế TNDN tại công ty TNHH xuất nhập khẩu INTEC – MJVINA.....	99
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	101
1. Kết luận.....	101
2. Kiến nghị	102
DANH MỤC THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Thuế là một công cụ tài chính vô cùng quan trọng, gắn liền với sự tồn tại và phát triển của Nhà nước mà bất cứ quốc gia nào cũng sẵn sàng công cụ thuế để tham gia vào việc thúc đẩy năng lực, niềm vui của mình. Thuế không chỉ là nguồn thu của ngân sách nhà nước mà còn là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế - xã hội. Phát triển kinh tế luôn là một tiêu hàng đầu của mọi quốc gia. Để thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế của đất nước, chúng ta cần phải có môi trường để thu hút đầu tư và cần có chính sách sao cho phù hợp, rõ ràng và ổn định. Nhằm đáp ứng mục tiêu đó, tại quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 11 ngày 10/05/1997, đã thông qua luật thuế giá trị gia tăng và luật thuế thu nhập doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành từ 01/01/1999 và thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp được ban hành nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, góp phần khuyến khích xuất khẩu, đầu tư mới và góp phần giữ gìn quy tắc các tác động tiêu cực của việc cắt giảm thuế nhập khẩu.

Hiện nay, nhà nước đã có nhiều sự điều chỉnh, bổ sung về luật thuế, thay đổi về chế độ kế toán. Vì vậy yêu cầu các đơn vị, tổ chức kinh doanh cần phải chú trọng và nắm bắt kịp thời sự thay đổi để áp dụng đúng và thực hiện đầy đủ công tác kế toán thuế, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước. Kế toán thuế là trách nhiệm của các đơn vị khai báo thuế trong doanh nghiệp. Kế toán thuế liên quan đến pháp luật nhà nước và là nghĩa vụ của các doanh nghiệp đối với nhà nước. Nhà nước chỉ có thể quản lý nền kinh tế hiệu quả thành phần khi có kế toán thuế. Người làm doanh nghiệp cũng chỉ có thể kinh doanh ổn định và báo cáo thuế thu nhập khi thực hiện đúng các quy định về thuế rõ ràng. Vì vậy thực hiện tốt công tác kế toán thuế nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ổn định và nhà nước phát triển tốt hơn.

Công ty TNHH xuất nhập khẩu INTEC – MJ VINA là một công ty chuyên sản xuất hàng may mặc, gia công hàng cho các công ty trong và ngoài nước. Và để công ty

phát triển bền vững, bên vững thì cần phải thực hiện tốt các công tác kế toán và nghĩa vụ của mình đối với nhà nước. Vì vậy để thực hiện được nghĩa vụ của mình đối với nhà nước thì công ty cần thực hiện tốt công tác kế toán thuế.

Nhận thực hiện các vai trò, tầm quan trọng của công tác kế toán thuế trong doanh nghiệp, qua thời gian thực tập tại Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Intec – Mỹ Vina. Tôi đã quy định định chế tài “Thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH xuất nhập khẩu INTEC – MJ VINA”

2. Mục tiêu nghiên cứu.

- Mục tiêu tổng quát: Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán thuế GTGT, thuế TNDN tại công ty TNHH xuất nhập khẩu INTEC – MJ VINA, trên cơ sở đánh giá thực trạng để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty

- Mục tiêu cụ thể:

- Thứ nhất là hệ thống hóa những vấn đề lý luận về kế toán thuế GTGT, thuế TNDN
- Thứ hai là tìm hiểu thực trạng công tác kế toán thuế GTGT, thuế TNDN để từ đó tìm hiểu những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH xuất nhập khẩu INTEC – MJ VINA
- Thứ ba đánh giá ưu, nhược điểm và đề xuất giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT, thuế TNDN tại công ty.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH xuất nhập khẩu INTEC – MJ VINA.

- Mọi loại thuế nghiên cứu mức: tài khoản sổ đỏ, chứng từ sổ đỏ, phương pháp hạch toán, kê khai, quy trình toán thuế và hoàn thuế.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: công tác kế toán thuế GTGT, thuế TNDN
- Về không gian: đồ tài liệu c thực hiện tại công ty TNHH xuất nhập khẩu INTEC – MJ VINA
- Về thời gian: đồ tài liệu nghiên cứu hoạt động kinh doanh từ năm 2017 – 2019, kế toán thuế GTGT và thuế TNDN năm 2019

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Thu thập các thông tin liên quan đến đồ tài liệu làm cơ sở lý luận cho nghiên cứu thông qua giáo trình, luật thuế, chu trình kế toán, chứng từ kế toán, các quy định, thông tư, các văn bản hướng dẫn thực hiện kế toán thuế, các trang web, diễn đàn kế toán, các tập chí kế toán. Phương pháp này đồ c sử dụng chủ yếu trong phần cơ sở lý luận của bài.

- Phương pháp quan sát, trao đổi: Quan sát đồ học hỏi, tích lũy kinh nghiệm thực tế liên quan đến công tác kế toán thuế nói chung và những vấn đề phát sinh khi tìm hiểu thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN nói riêng, trao đổi trực tiếp với các anh chị trong bộ phận kế toán của công ty đồ đồ c cung cấp những số liệu cần thiết cho đồ tài liệu báo cáo tài chính, kê khai thuế GTGT, thuế TNDN, các chứng từ, sổ sách có liên quan,..

- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Thực hiện thu thập số liệu thô từ Công ty, sau đó toàn bộ số liệu thô đồ c chỉnh lý và xử lý đồ đồ a vào bài sao cho thông tin đồ n với nội đồ c một cách hiệu quả nhất.

- Phương pháp phân tích số liệu: Phương pháp này đồ c sử dụng trong bài đồ phân tích tình hình tài sản, nguồn vốn, lao động,... đồ a trên cơ sở số liệu đã thu thập đồ c. Từ đó nêu lên đồ c ưu điểm, nhược điểm hoạt động của công ty.

- Phương pháp so sánh: từ số liệu tính toán được, tiến hành so sánh giá trị của từng chỉ tiêu qua mỗi năm, rút ra nhận xét và phân tích nguyên nhân, biện pháp khắc phục.

5. Kết cấu của đề tài

Đề tài gồm 3 phần:

PHẦN I: Đặt vấn đề

PHẦN II: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Cơ sở lý luận và kế toán thuế GTGT và thuế TNDN trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực tiễn công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH xuất nhập khẩu INTEC – MJ VINA

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH xuất nhập khẩu INTEC – MJ VINA

PHẦN III: Kết luận và kiến nghị

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THUẾ, KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề cơ bản về thuế, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.1. Nội dung cơ bản về thuế

1.1.1.1. Khái niệm

Thuế là một khoản nộp bắt buộc mà các tổ chức và pháp nhân có nghĩa vụ phải thực hiện đối với nhà nước, phát sinh trên cơ sở các văn bản pháp luật do nhà nước ban hành, không mang tính chất đối giá và hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp thuế.

(Trích từ slides BG Thuế và Kế toán thuế 1 GV – Ths Phạm Hồng Quyên)

1.1.1.2. Đặc trưng cơ bản của thuế

- Một là, thuế mang tính chất bắt buộc: thuế thực hiện quan hệ kinh tế - chính trị giữa nhà nước và các tổ chức, cá nhân. Nhà nước là chủ thể chính trị có quyền lực tối cao ban hành các luật thuế và bắt buộc các tổ chức và cá nhân phải thực hiện nghĩa vụ của mình. Thuế hoàn toàn không giao với một khoản tiền từ thiện mà người đóng góp có đồng lực để đóng góp một cách tự nguyện cho cá nhân, tổ chức hay nhà nước. Đồng nghĩa người nộp thuế cho ngân sách nhà nước, thuế được quy định bằng các văn bản pháp quy để tăng tính bắt buộc của thuế. Người nộp thuế theo luật định phải thực hiện quy trình tuân thủ để chấp hành các quy định của luật thuế. Nếu không tuân thủ thì người nộp thuế sẽ bị xử phạt thích đáng với các hành vi vi phạm.

- Hai là, thuế không hoàn trả một cách trực tiếp: nộp thuế cho Nhà nước là một nghĩa vụ theo luật định của người nộp thuế. Người nộp thuế phải tuân thủ luật bằng

cách nộp thuế, người nộp thuế không có quyền đòi hỏi bất cứ một sự hoàn trả trực tiếp hay thậm chí gián tiếp riêng từ nào từ phía Chính phủ. Sự hoàn trả này sẽ nhúng vào lợi ích chung của toàn xã hội, không vì lợi ích riêng của bất cứ tổ chức hay cá nhân nào cho dù đây là những người nộp thuế như thế nào.

- Ba là, thuế dùng vào chi tiêu công: thuế sẽ thu về thuế, được đưa vào ngân sách Nhà nước và cần để chung nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu trên nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội.

1.1.1.3. Vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường

- Thứ nhất, thuế là công cụ huy động nguồn tài chính đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước: một nền tài chính quốc gia lành mạnh phải đưa vào chủ yếu nguồn thu từ nội bộ nền kinh tế quốc dân. Tất cả các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước đều được đáp ứng qua các nguồn thu từ thuế, phí và các hình thức thu khác như vay mượn, viện trợ nước ngoài, bán tài nguyên quốc gia, thu khác,... Song thuế từ các hình thức thu ngoài thuế đó có rất nhiều hạn chế, bù ràng buộc bởi nhiều điều kiện. Do đó thuế được coi là khoản thu quan trọng nhất vì khoản thu này mang tính chất ổn định và khi nền kinh tế càng phát triển thì khoản thu này càng tăng.

- Thứ hai, thuế là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế - xã hội: Thông qua pháp lệnh về thuế, Nhà nước chủ động tác động đến cung cầu của nền kinh tế góp phần phân bổ lại nguồn lực nhằm thúc đẩy hiện thực hóa quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Trong điều kiện kinh tế thị trường có nhiều biến động, khủng hoảng, suy thoái ... và kinh tế trong nước vẫn đang trong giai đoạn phát triển, thị trường có nhiều biến động khó lường. Để kiểm soát được những biến động này, Nhà nước phải sử dụng kết hợp rất nhiều biện pháp và chính sách để quản lý. Trong đó có sự tham gia của chính sách thuế; Sự tăng giá liên tục của thị trường gây ra tình trạng lạm phát khó kiểm soát. Để vì các mặt hàng có sự tăng giá liên tục Nhà nước buộc phải có các chính sách thuế nhằm hạn chế điều chỉnh giảm giá.

- Thứ ba, thuế là công cụ điều tiết thu nhập, thúc đẩy công bằng xã hội: thuế được áp dụng theo nguyên tắc cho các ngành nghề, các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân

có; Chính sách đồng viên giúp nhau giúp các đơn vị, cá nhân thu hẹp mặt thành phần kinh tế có cùng một điều kiện hoạt động; thu góp phần giảm bớt khoảng cách giàu nghèo thông qua điều tiết thu nhập.

1.1.1.4. Phân loại thuế

- Một là, căn cứ vào mục đích điều tiết của Nhà nước:

- Thuế trực thu: điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế, người nộp thuế và người chịu thuế là một.

- Thuế gián thu: điều tiết gián tiếp thông qua giá cả HHDV, người nộp thuế không phải là người chịu thuế.

- Hai là, căn cứ đối tượng đánh thuế:

- Thuế liên quan đến tài sản: loại thuế có cơ sở đánh thuế là giá trị tài sản. Ví dụ như thuế sở hữu đất nông nghiệp, thuế sở hữu đất phi nông nghiệp, thuế tài nguyên.

- Thuế thu nhập: bao gồm các sắc thuế có cơ sở đánh thuế là thu nhập kiếm được. Thuế thu nhập kiếm được từ nhiều nguồn: tiền lao động được đóng tiền lương, tiền công...; thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh...

- Thuế tiêu dùng: là loại thuế có cơ sở đánh thuế là phần thu nhập của tổ chức, cá nhân được mang ra tiêu dùng trong hiện tại. Ví dụ như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT...

1.1.2. Những nội dung cơ bản của thuế GTGT

1.1.2.1. Tổng quan về thuế GTGT

a. Khái niệm

Thuế GTGT là thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng HHDV phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

(Trích từ Điều 2 của luật số 13/2008/QH12)

b. Đặc điểm

- Thuế GTGT là một thuế gián thu, là một yếu tố cấu thành trong giá cả HHDV.

- Thuế GTGT đánh vào đối tượng tiêu dùng HHDV chịu thuế GTGT. Người mua HHDV không trực tiếp nộp thuế GTGT vào ngân sách nhà nước mà nộp thuế thông qua giá thanh toán cho người bán.

- Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh HHDV chịu thuế GTGT ở Việt Nam và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT

- Thuế GTGT đánh vào GTGT của HHDV phát sinh ở các giai đoạn từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng HHDV đó.

- Thuế GTGT chịu thuế vào giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ theo phân đoạn trong quá trình sản xuất, lưu thông hàng hóa từ khâu đầu tiên từ người tiêu dùng, khi khép kín một chu kỳ.

- Thuế GTGT có tính trung lập cao

- Thuế GTGT không biến hình hàng trực tiếp biến kết quả kinh doanh của người nộp thuế, không biến hình hàng biến quá trình tổ chức và phân chia các chu trình kinh tế. Hơn nữa, thuế GTGT không tham gia vào các mức tiêu thụ đại, khuyến khích một số ngành nghề, lĩnh vực hay một loại hàng hóa, dịch vụ nào.

- Thuế GTGT chỉ đánh vào hoạt động tiêu dùng trong phạm vi lãnh thổ.

- Đối tượng chịu thuế là người tiêu dùng trong phạm vi lãnh thổ quốc gia.

c. Vai trò

- Thuế GTGT có tác động điều tiết thu nhập của tổ chức, cá nhân tiêu dùng HHDV chịu thuế GTGT

- Thuế GTGT là khoản thu quan trọng của NSNN

- Thuế GTGT không có tính trùng lặp

- Khuyến khích xuất khẩu

- Thúc đẩy thực hiện chế độ hạch toán kế toán, sổ đăng hóa đơn, chứng từ, và thanh toán qua ngân hàng.

1.1.2.2. Nội dung công bố của thuế GTGT

a. Đối tượng chịu thuế GTGT

Theo quy định tại điều 2 thông tư 219/2013TT-BTC: “Đối tượng chịu thuế GTGT là tất cả các hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ 26 nhóm hàng hóa, dịch vụ không chịu tính thuế GTGT.”

b. Đối tượng không chịu thuế GTGT:

- Đối tượng không chịu thuế GTGT được nêu rõ tại Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC và được sửa đổi, bổ sung tại thông tư 26/2015/TT-BTC. Các đối tượng không chịu thuế được chia thành 26 nhóm HHDV và thuế có tính chất sau:

- Sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm và dịch vụ nông nghiệp.
- HHDV mang tính chất thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống cộng đồng, không mang tính chất kinh doanh.
- HHDV của mặt sản phẩm ngành công nghiệp khuyến khích phát triển
- Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán.
- Hàng hóa mang tính chất phục vụ nhu cầu đặc biệt của Nhà nước hoặc công bố mặt.
- HHDV thuộc các hoạt động được ưu đãi vì mục tiêu xã hội, nhân đạo.
- Hàng hóa nhập khẩu thuộc chế độ thuế không phải cho hoạt động SXKD và tiêu dùng tại Việt Nam
- HHDV của hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu dưới 100 triệu đồng/năm.

c. Ngưỡng nộp thuế GTGT

Theo điều 3 thông tư 219/2013/TT-BTC quy định: “Ngõ vào nộp thuế GTGT là tất cả các cá nhân, sản xuất, kinh doanh HHDV chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là chủ thể kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nộp thuế hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nộp thuế)”

1.1.2.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

a. Căn cứ tính thuế

❖ Căn cứ tính thuế là giá tính thuế và thuế suất thuế GTGT.

$$\text{Thuế GTGT} = \text{Giá tính thuế GTGT} * \text{thuế suất}$$

Trong đó:

- Giá tính thuế là giá bán chưa có thuế GTGT. Trong một số trường hợp cụ thể được xác định như sau:

- Đối với hàng hóa nhập khẩu giá tính thuế GTGT là giá nhập tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu, cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt, cộng với thuế bảo vệ môi trường.

- Đối với sản phẩm, HHDV dùng để trao đổi, biếu, tặng, cho, thay thế, là giá tính thuế GTGT của HHDV cùng loại hoặc cùng tính thuế tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

- Đối với sản phẩm, HHDV tiêu dùng nội bộ không phải sản xuất, kinh doanh: giá tính thuế GTGT đưa ra tính theo giá tính thuế GTGT đưa ra của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc cùng tính thuế tại cùng thời điểm phát sinh hoạt động này.

- Đối với HHDV khuyến mại theo quy định và thông lệ mại, giá tính thuế bằng không. Trường hợp HHDV khuyến mại không theo pháp luật và thông lệ mại thì phải kê khai, tính nộp thuế như HHDV dùng để biếu, tặng, cho.

- Đối với hoạt động cho thuê tài sản là sản phẩm cho thuê có thu GTGT bao gồm cả các khoản thu dịch vụ hình thức khác như thu tiền để hoàn thiện, sửa chữa, nâng cấp nhà cho thuê theo yêu cầu của bên thuê.

- Đối với gia công là giá gia công theo hợp đồng gia công có thu GTGT, bao gồm cả tiền công, chi phí vật liệu, đồng lương, vật liệu phụ và chi phí khác phát sinh cho việc gia công hàng hoá.

- Đối với hoạt động dịch vụ, môi giới mua bán HHDV, xuất nhập khẩu hàng hóa công nghiệp, giá tính thuế là tiền công, tiền hoa hồng thu được từ các hoạt động này có thu GTGT.

- Thuế suất: thuế suất thuế GTGT có 3 mức: 0%, 5%, 10%

- Thuế suất 0% áp dụng đối với HHDV xuất khẩu, hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ngoài và trong khu phi thuế quan, vận tải quốc tế, HHDV dịch vụ không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu

Điều kiện áp dụng thuế suất 0% đối với hàng hoá xuất khẩu:

✓ Có hợp đồng bán, gia công hàng hoá xuất khẩu, hợp đồng xuất khẩu.

✓ Có chứng từ thanh toán tiền hàng hoá xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật.

✓ Có tờ khai hải quan

- Thuế suất 5% áp dụng đối với HHDV thiết yếu phục vụ sản xuất, tiêu dùng và các HHDV nhằm thực hiện chính sách xã hội, khuyến khích đầu tư sản xuất bao gồm 16 loại.

- Thuế suất 10% áp dụng cho HHDV thông thường không nằm trong diện không chịu thuế GTGT, thuế suất 0%, thuế suất 5%

❖ Thứ tự để xác định thuế GTGT:

- Đối với bán hàng hoá: thứ tự để chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hoá cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền